

Ngày 31 tháng 08 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC K TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDC K)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long

Mã chứng khoán: HLG

Địa chỉ trụ sở chính: 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, huyện Bến Lức, Long An

Điện thoại: 0723.872848

Fax: 0723.655335

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Phúc Toại

Địa chỉ: 149 Nguyễn Văn Cừ, phường 2, quận 5, TPHCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0723.872848

Fax:

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố :

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có các khoản phải thu khó đòi với tổng số tiền là 108.568.143.953 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn chưa tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi này theo quy định hiện hành với số tiền ước tính khoản 95,48 tỷ đồng, trong đó khoản dự phòng cần trích tại ngày 31/12/2014 ước tính khoản 85,89 tỷ đồng. Vấn đề này đã ảnh hưởng đến các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015 như sau:

- Trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2015:
 - + Chỉ tiêu Dự phòng phải thu khó đòi vào 01/01/2015 đã giảm đi một khoản là 85,89 tỷ đồng và vào ngày 30/6/2015 đã giảm đi một khoản 95,48 tỷ đồng;
 - + Chỉ tiêu Tài sản thuế hoãn lại vào ngày 01/1/2015 đã giảm đi một khoản là 4,3 tỷ đồng và vào ngày 30/6/2015 đã giảm đi một khoản là 4,8 tỷ đồng.
 - + Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 01/1/2015 đã tăng thêm một khoản là 81,59 tỷ đồng và vào ngày 30/06/2015 đã tăng thêm một khoản là 90,68 tỷ đồng.



- Trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015:
 - + Chi tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này đã giảm đi một khoản là 9,59 tỷ đồng;
 - + Chi tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này đã tăng thêm một khoản tương ứng 9,59 tỷ đồng.

Như vậy, nếu khoản dự phòng phải thu khó đòi như nêu trên được trích lập thì lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 sẽ là lỗ 58 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến ngày 30/6/2015 sẽ là lỗ 394 tỷ đồng.

Hiện tại Công Ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long :

- Đang thương lượng với khách hàng về giải pháp thanh toán tiền hàng.
- Đang chờ phán quyết của toà án.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/08/2015. tại đường dẫn <http://hoanglonggroup.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin



Phạm Phúc Coai





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
HOANG LONG GROUP

AD: 68 Nguyen Trung Truc, Ben Luc District, Long An Province

☎: (072) 3872.848

E-mail: info@hoanglonggroup.com

www.hoanglonggroup.com

Số 41/CV-CTY/2015

Bến Lức, ngày 31 tháng 08 năm 2015

V/v: “Giải trình kết quả kinh doanh
hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 và chênh lệch kết quả kinh doanh
giữa Công Ty lập và báo cáo kiểm toán”

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (mã CK: HLG) giải trình về kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2015 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2014 là : (19.617.836.792) VND
- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015 là : (47.813.940.760) VND

Như vậy, lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015 lỗ hơn 28.196.103.968 VND so với 6 tháng đầu năm 2014. Sự biến động này là do ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá và giá bán xuất khẩu ngành chế biến thủy sản thấp.

Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh giữa Công Ty lập và báo cáo kiểm toán như sau :

- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015 Công Ty lập là : (43.786.313.391) VND.
- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015 kiểm toán là : (47.813.940.760) VND.

Chênh lệch (4.027.627.369) VND này là do :

1/ Điều chỉnh giá vốn phần giao dịch bán hàng nội bộ nằm trong tồn kho:
(2.555.107.958) VND.

2/ Tính lại thuế hoãn lại các giao dịch nội bộ : (734.202.705) VND.

3/ Tính lại lợi nhuận sau thuế của cổ đông kiểm soát : (738.316.706) VND.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung những thông tin trên.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Đạo



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho 6 tháng đầu năm tài chính
kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015**



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kết quả soát xét báo cáo tài chính	03 - 04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 42

238
CỘNG
HỢP
KIỂM
TOÁN
Đ. ...

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100414052 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Vốn vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 443.753.850.000 đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Bà Phạm Thúy An	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thúy An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho các giai đoạn tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét kèm theo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Long An, ngày 29 tháng 8 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO



Số: 16.112/HĐSXHN-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Tổng giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi tắt là "Tập đoàn") từ trang 05 đến trang 42 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị giới hạn bởi vấn đề sau:

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có các khoản phải thu khó đòi với tổng số tiền là 108.568.143.953 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn chưa tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi này theo quy định hiện hành với số tiền ước tính khoản 95,48 tỷ đồng, trong đó khoản dự phòng cần trích tại ngày 31/12/2014 ước tính khoản 85,89 tỷ đồng. Vấn đề này đã ảnh hưởng đến các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015 như sau:

- Trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2015:
 - + Chỉ tiêu Dự phòng phải thu khó đòi vào 01/1/2015 đã giảm đi một khoản là 85,89 tỷ đồng và vào ngày 30/6/2015 đã giảm đi một khoản 95,48 tỷ đồng;
 - + Chỉ tiêu Tài sản thuế hoãn lại vào ngày 01/1/2015 đã giảm đi một khoản là 4,3 tỷ đồng và vào ngày 30/6/2015 đã giảm đi một khoản là 4,8 tỷ đồng.
 - + Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 01/1/2015 đã tăng thêm một khoản là 81,59 tỷ đồng và vào ngày 30/06/2015 đã tăng thêm một khoản là 90,68 tỷ đồng.
- Trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015:
 - + Chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này đã giảm đi một khoản là 9,59 tỷ đồng;
 - + Chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này đã tăng thêm một khoản tương ứng 9,59 tỷ đồng.

Như vậy, nếu khoản dự phòng phải thu khó đòi như nêu trên được trích lập thì lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 sẽ là lỗ 58 tỷ đồng và lợi nhuận hợp nhất chưa phân phối lũy kế đến ngày 30/6/2015 sẽ là lỗ 394 tỷ đồng.



Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THỦY PHƯỢNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1191-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		862.372.914.856	887.975.410.661
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.592.257.795	8.586.385.761
1. Tiền	111		5.592.257.795	8.586.385.761
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		502.475.311.205	498.497.115.335
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	360.555.016.503	326.232.609.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		56.642.486.713	103.410.056.388
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	48.349.917.707	38.012.462.707
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	63.997.020.831	57.679.097.877
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(27.069.130.549)	(26.837.111.537)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	343.302.327.986	369.030.256.390
1. Hàng tồn kho	141		343.330.779.166	369.058.707.570
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.451.180)	(28.451.180)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.003.017.870	11.861.653.175
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.879.535.280	6.654.781.194
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.785.877.840	4.812.651.398
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		337.604.750	394.220.583
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		845.894.071.613	851.869.441.143
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.695.473.129	2.673.918.870
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	2.695.473.129	2.673.918.870
II. Tài sản cố định	220		546.399.207.136	572.260.864.278
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	445.997.883.242	452.678.336.804
Nguyên giá	222		572.950.108.090	566.989.003.562
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.952.224.848)	(114.310.666.758)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	30.034.319.508	31.094.678.788
Nguyên giá	225		32.728.500.000	32.728.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.694.180.492)	(1.633.821.212)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	70.367.004.386	88.487.848.686
Nguyên giá	228		73.440.223.977	90.780.383.977
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.073.219.591)	(2.292.535.291)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	21.972.732.615	-
Nguyên giá	231		26.420.882.816	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.448.150.201)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		105.841.352.593	106.560.621.951
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.8	79.010.197.910	78.893.993.104
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		26.831.154.683	27.666.628.847
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		132.124.356.767	132.130.340.984
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	132.124.356.767	132.130.340.984
VI. Tài sản dài hạn khác	260		36.860.949.373	38.243.695.060
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.485.369.350	3.983.287.619
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.18	32.375.580.023	34.260.407.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.708.266.986.469	1.739.844.851.804

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	675.862.851.721	739.228.356.717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		80.394.835	44.043.847.065
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		675.782.456.886	695.184.509.652
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	645.085.978.986	629.047.658.334
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.696.477.900	66.136.851.318
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.050.723.347	2.556.475.774
7. Chi phí tài chính	22	6.3	46.545.010.241	32.147.208.787
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		31.158.048.377	28.569.783.605
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(5.984.217)	(7.966.141)
9. Chi phí bán hàng	25	6.4	14.758.973.142	32.053.539.745
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	18.011.194.155	22.364.035.093
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(46.573.960.508)	(17.879.422.674)
12. Thu nhập khác	31		1.235.229.802	2.934.570.145
13. Chi phí khác	32		481.867.397	5.662.703.281
14. Lợi nhuận khác	40		753.362.405	(2.728.133.136)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(45.820.598.103)	(20.607.555.810)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		295.628.479	102.842.185
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.7	1.872.058.045	(1.046.942.726)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(47.988.284.627)	(19.663.455.269)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	5.19	(47.813.940.760)	(19.617.836.792)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	5.19	(174.343.867)	(45.618.477)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.081)	(444)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(1.081)	(444)

Long An, ngày 29 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(45.820.598.103)	(20.607.555.810)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		18.976.696.313	20.647.635.221
Các khoản dự phòng	03		(232.019.012)	(32.027.994.392)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		15.093.615.190	3.218.072.127
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		135.414.856	1.470.485.591
Chi phí lãi vay	06		31.158.048.377	28.569.783.605
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.311.157.621	1.270.426.342
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(59.765.912.495)	(30.394.816.500)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25.727.928.404	57.036.299.875
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		156.766.559.102	13.691.497.595
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(55.128.545)	1.302.702.113
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.615.458.738)	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.561.917)	(485.831.207)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		135.340.583.432	42.420.278.218
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.070.174.881)	(6.847.460.217)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	12.784.681.067
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		52.153.677.252	(3.030.593.611)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(85.883.091.521)	32.607.634
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.326.217	16.638.826
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.776.262.933)	2.955.873.699

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	238.013.352.928	295.739.472.835
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(327.898.060.518)	(337.193.852.400)
3. Tiền trả nợ thuế tài chính	35		(2.665.988.184)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(92.550.695.774)	(41.454.379.565)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.986.375.275)	3.921.772.352
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.586.385.761	6.544.949.714
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.752.691)	10.481.745
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		5.592.257.795	10.477.203.811

Long An, ngày 29 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100414052 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 04 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 443.753.850.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 07 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.895 (31/12/2014: 2.145).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại tổng hợp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp, cho thuê và mượn kho bãi;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước
- Chế biến, bảo quản thủy hải và các sản phẩm từ thủy sản;
- Khai thác, nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán thủy sản và các sản phẩm chế biến thủy sản;
- Kinh doanh nguyên liệu, hương liệu và thuốc lá điếu;
- Hoạt động vận tải hành khách taxi;

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

1.5. Số lượng các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	149 Nguyễn Văn Cừ, phường 2, quận 5, Tp.Hồ Chí Minh	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%

Công ty con gián tiếp:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ phần Thủy hải sản MeKong	ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	79,74%	79,74%

1.6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>
1.	Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, P.Tân Phong, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh	30%	30%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Trong kỳ Tập đoàn đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ bình quân các ngân hàng giao dịch.

4.2 Áp dụng Hướng dẫn kế toán mới

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản kỳ cược, kỳ quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.6 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối 6 tháng đầu năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí phát sinh cho nhiều kỳ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
• Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
• Máy móc thiết bị	03 – 15 năm
• Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 20 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 09 năm
• Tài sản cố định khác	08 – 50 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

4.10 Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam của Tập đoàn với thời gian khấu hao là 45 năm của Tập đoàn;
- Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Long An, Việt Nam;
- Nhà máy Nước ngầm tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam trong 50 năm của Tập đoàn.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lộ đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.11 Thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động

Thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

6 tháng đầu năm 2015
08 - 10 năm

Phương tiện vận tải

4.12 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.13 Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

4.14 Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư

4.15 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

4.16 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển... được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ

4.18 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.19 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

4.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.21 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.22 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.23 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.24 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.25 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.26 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.27 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 22%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Dịch vụ xử lý nước thải, nuôi trồng thủy sản	không chịu thuế
+ Thương mại phân bón, nông sản, gia công chế biến thủy sản	5%
+ Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa	5%
+ Dịch vụ taxi	10%
+ Thương mại thuốc lá	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.28 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Ngày khi mất quyền kiểm soát công ty con, lãi lỗ của Tập đoàn được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn với giá trị tài sản thuần chuyển nhượng tại thời điểm mất quyền kiểm soát cộng với giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

4.29 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một số số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014 đã được báo cáo lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	38.012.462.707	-
Phải thu ngắn hạn khác	57.679.097.877	90.600.555.542
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.091.005.042
Phải thu dài hạn khác	2.673.918.870	-
Tài sản dài hạn khác	-	2.673.918.870
Hàng tồn kho	369.058.707.570	447.952.700.674
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	78.893.993.104	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.355.312.312	22.417.146.867
Người mua trả tiền trước dài hạn	9.061.834.545	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.379.315.091	22.893.105.598
Chi phí phải trả dài hạn	18.513.790.507	-

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (trích):

	VND	
	Kỳ trước	Kỳ trước
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Thu nhập khác	2.934.570.145	15.719.251.212
Chi phí khác	5.662.703.281	18.447.384.348

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (trích):

	Kỳ trước (Được báo cáo lại)	Kỳ trước (Đã được báo cáo trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	(30.394.816.500)	(32.703.434.677)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	160.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	(849.367.800)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(3.030.593.611)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	32.607.634	-

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT202 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ915/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc phân loại một số khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	2.438.964.160	3.166.566.377
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.153.293.635	5.419.819.384
Cộng	5.592.257.795	8.586.385.761

5.2. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào công ty liên kết Công ty TNHH SX và TM Thanh Thy với tỷ lệ quyền biểu quyết và sở hữu là 30%.

5.3. Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công Ty TNHH Thương Mại An Thịnh	29.575.540.083	29.575.540.083
Công Ty TNHH SX-TM-DV Kim Hoàng Long	52.602.710.509	35.602.699.379
Bà Phạm Huyền Trang – Xem thêm mục 9	8.856.725.000	8.856.725.000
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	94.089.640.591	65.813.426.117
PESCADOS PCS, S,L	39.060.125.022	39.782.031.891
HLG Holding Corp, A California Corporation	26.847.825.583	26.457.613.565
Các khách hàng khác	109.522.449.715	120.144.573.865
Cộng	360.555.016.503	326.232.609.900

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9

Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II

94.119.284.691

65.813.426.117

Bà Phạm Huyền Trang

8.856.725.000

8.856.725.000

Cộng**102.976.009.691****74.670.151.117****5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

VND

Cuối kỳ

Đầu năm

Phải thu về cho vay ngắn hạn:

Cho các công ty mượn

39.521.856.520

35.813.597.107

Cho cá nhân mượn

8.828.061.187

2.198.865.600

Cộng**48.349.917.707****38.012.462.707****5.5. Phải thu khác**

VND

Cuối kỳ

Đầu năm

Ngắn hạn:

Phải thu người lao động

6.323.591.563

3.921.855.042

Ký cược, ký quỹ

1.190.150.000

1.169.150.000

Các khoản chi hộ

73.315.918

-

Phải thu thuế nhập khẩu được hoàn

904.450.380

904.450.380

Phải thu tiền lãi cho cá nhân mượn

42.513.643.027

42.513.643.027

Cho tạm mượn

7.012.198.200

3.530.045.546

Ứng trước theo hợp đồng kinh tế

-

1.802.373.650

Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng

-

1.160.241.837

Phải thu khác

5.979.671.743

2.677.338.395

Cộng**63.997.020.831****57.679.097.877**

Dài hạn:

Ký cược, ký quỹ, đặt cọc

2.695.473.129

2.673.918.870

Cộng**2.695.473.129****2.673.918.870**

Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm mục 9

Công ty TNHH TM-SX-DV Thanh Thy

542.000.000

542.000.000

Cộng**542.000.000****542.000.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.6. Nợ xấu

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	123.373.940.571	96.304.810.022	123.319.998.985	96.482.887.448
Cộng	123.373.940.571	96.304.810.022	123.319.998.985	96.482.887.448	

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản công nợ này chủ yếu là công nợ nước ngoài nên hạn chế về việc liên hệ cũng như thu hồi công nợ.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
	PESCADO S PCS, S,L	39.252.965.578	39.252.965.578	hơn 3 năm	39.782.031.891	39.782.031.891	hơn 3 năm
HLG Holding Corp, A California Corporation	26.980.373.792	26.980.373.792	hơn 3 năm	26.457.613.565	26.457.613.565	hơn 3 năm	
Công ty TNHH Trung Thiên	10.779.931.709	10.779.931.709	hơn 3 năm	10.884.931.709	10.884.931.709	hơn 3 năm	
Các khách hàng khác	46.360.669.492	19.291.538.943	từ 06 tháng đến hơn 03 năm	46.195.421.820	19.358.310.283	từ 06 tháng đến hơn 03 năm	
Cộng	123.373.940.571	96.304.810.022		123.319.998.985	96.482.887.448		

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.7. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	Nguyên liệu, vật liệu	5.898.819.810	-	4.000.876.435	-
Công cụ, dụng cụ	5.467.265.128	-	6.437.268.230	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.543.216.042	-	28.785.431.828	-	
Thành phẩm	298.421.644.522	(28.451.180)	281.280.653.119	(28.451.180)	
Hàng hóa	6.999.833.664	-	48.554.477.958	-	
Cộng	343.330.779.166	(28.451.180)	369.058.707.570	(28.451.180)	

5.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể đ thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	Khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	41.871.220.559	41.871.220.559	41.871.220.559	41.871.220.559
Khu TĐC khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	19.854.359.726	19.854.359.726	19.844.290.818	19.844.290.818	
Công trình Công ty Thanh Mỹ	8.023.346.062	8.023.346.062	8.023.346.062	8.023.346.062	
Công trình KDC Long Kim 2 - GD2	3.524.103.422	3.524.103.422	3.519.669.922	3.519.669.922	
HT đường ống NMXL nước thải Long Cang	1.016.215.374	1.016.215.374	918.831.158	918.831.158	
Khác	4.720.952.767	4.720.952.767	4.716.634.585	4.716.634.585	
Cộng	79.010.197.910	79.010.197.910	78.893.993.104	78.893.993.104	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.9. Táng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	286.022.580.929	181.440.746.342	92.131.467.272	1.367.928.371	6.026.280.648	566.989.003.562
Mua trong kỳ	-	117.600.000	-	-	202.845.500	320.445.500
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	10.021.313.634	-	-	4.880.431.846	14.901.745.480
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(180.363.636)	-	-	(180.363.636)
Chuyển sang BĐSĐT	(9.080.722.816)	-	-	-	-	(9.080.722.816)
Số dư cuối kỳ	276.941.858.113	191.579.659.976	91.951.103.636	1.367.928.371	11.109.557.994	572.950.108.090
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	21.950.451.396	43.889.785.691	45.633.775.043	1.342.984.143	1.493.670.485	114.310.666.758
Khấu hao trong kỳ	3.388.685.058	7.116.683.455	5.637.645.260	16.663.929	661.418.905	16.821.096.607
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(45.944.442)	-	-	(45.944.442)
Chuyển sang BĐSĐT	(4.133.594.075)	-	-	-	-	(4.133.594.075)
Số dư cuối kỳ	21.205.542.379	51.006.469.146	51.225.475.861	1.359.648.072	2.155.089.390	126.952.224.848
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	264.072.129.533	137.550.960.651	46.497.692.229	24.944.228	4.532.610.163	452.678.336.804
Tại ngày cuối kỳ	255.736.315.734	140.573.190.830	40.725.627.775	8.280.299	8.954.468.604	445.997.883.242

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 403.898.718.191 VND

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.579.489.575 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	VND
	Phương tiện vận tải truyền dẫn
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	32.728.500.000
Số dư cuối kỳ	32.728.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.633.821.212
Khấu hao trong kỳ	1.060.359.280
Số dư cuối kỳ	2.694.180.492
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	31.094.678.788
Tại ngày cuối kỳ	30.034.319.508

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	VND
	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	90.780.383.977
Chuyển sang BĐSĐT	(17.340.160.000)
Số dư cuối kỳ	73.440.223.977
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.292.535.291
Khấu hao trong kỳ	780.684.300
Số dư cuối kỳ	3.073.219.591
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	88.487.848.686
Tại ngày cuối kỳ	70.367.004.386

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 65.908.671.065 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND
				Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	-	17.340.160.000	-	17.340.160.000
Nhà	-	9.080.722.816	-	9.080.722.816
Cộng	-	26.420.882.816	-	26.420.882.816
Giá trị hao mòn lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	4.448.150.201	-	4.448.150.201
Cộng	-	4.448.150.201	-	4.448.150.201
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	-	17.340.160.000	-	17.340.160.000
Nhà	-	4.632.572.615	-	4.632.572.615
Cộng	-	21.972.732.615	-	21.972.732.615

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.13. Vay và nợ thuế tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	188.314.256.418	188.314.256.418	214.099.638.693	189.119.803.374	163.334.421.099	163.334.421.099	
Nợ thuế tài chính ngắn hạn	3.830.372.316	3.830.372.316	-	2.665.988.184	6.496.360.500	6.496.360.500	
Vay dài hạn	734.389.492.961	734.389.492.961	15.501.487.348	2.368.939.720	721.256.945.333	721.256.945.333	
Nợ thuế tài chính dài hạn	14.617.648.141	14.617.648.141	-	-	14.617.648.141	14.617.648.141	
Cộng	941.151.769.836	941.151.769.836	229.601.126.041	194.154.731.278	905.705.375.073	905.705.375.073	

Các khoản nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

Thời hạn	Kỳ này		Kỳ trước		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	
Từ 1 năm trở xuống	3.978.766.584	1.312.778.400	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-	-
Cộng	3.978.766.584	1.312.778.400	2.665.988.184	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.14. Phải trả người bán

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	188.166.566.291	102.921.938.633
DNTN Thương Mại Thanh Đông	8.936.082.050	19.212.384.050
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	57.216.207.049	42.233.066.347
Các khách hàng khác	46.021.688.603	93.561.219.872
Cộng	<u>300.340.543.993</u>	<u>257.928.608.902</u>
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	57.216.207.049	42.233.066.347
Ông Phạm Phúc Toại	551.094.000	551.094.000
Cộng	<u>57.767.301.049</u>	<u>42.784.160.347</u>

5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND			
	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	506.835.569	2.036.555.798	2.116.772.052	426.619.315
Thuế xuất, nhập khẩu	-	163.960.685	163.960.685	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	353.842.129	295.628.479	28.561.917	620.908.691
Thuế thu nhập cá nhân	785.988.205	182.857.362	224.220.263	744.625.304
Thuế tài nguyên	18.604.274	117.912.479	117.358.135	19.158.618
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	692.583.855	8.035.431	4.844.000	695.775.286
Cộng	<u>2.357.854.032</u>	<u>2.807.950.234</u>	<u>2.658.717.052</u>	<u>2.507.087.214</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.16. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Trích trước chi phí lãi vay	2.306.581.428	1.834.931.101
Trích trước chi phí vận chuyển, cước tàu	1.622.030.900	-
Trích trước chi phí lưu kho	95.788.730	-
Trích trước chi phí phải trả tiền cá nguyên Liệu	3.507.233.500	-
Trích trước chi phí lương	-	589.662.499
Trích trước chi phí điện	-	1.145.782.700
Các khoản trích trước khác	105.948.760	808.938.791
Cộng	7.637.583.318	4.379.315.091
Dài hạn:		
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Cộng	18.513.790.507	18.513.790.507

5.17. Chi phí phải trả khác

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	1.278.736.346	1.255.394.536
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	6.692.826.931	5.492.971.989
Nhận ký quỹ ký cược	4.580.161.000	80.161.000
Tạm mượn các đối tượng khác	55.205.834.909	150.069.397.621
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	572.133.350	1.117.158.250
Phải trả lãi vay	116.175.019.427	97.081.322.328
Phạm Phúc Toại - Xem thêm mục 9	307.238.425	52.331.030
Phạm Hoàng Long - Xem thêm mục 9	198.932.510	198.932.510
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II mượn - Xem thêm mục 9	7.240.000.000	7.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.255.466.724	3.839.890.956
Cộng	202.506.349.622	266.187.560.220
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược của tài xế	1.611.801.073	1.490.435.066
Nhận ký quỹ, ký cược khác	455.401.609	1.530.000.000
Cộng	2.067.202.682	3.020.435.066

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí khu đất Long Kim	3.532.347.261	3.529.210.789
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến việc chuyển lỗ tính thuế chưa sử dụng	30.428.518.112	30.568.388.762
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(610.059.238)	162.807.890
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(975.226.112)	-
Cộng	32.375.580.023	34.260.407.441
	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22%	22%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	975.226.112	12.769.373
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(975.226.112)	-
Cộng	-	12.769.373

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.19. Vốn chủ sở hữu

5.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			LNST chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích có đóng không kiểm soát	VND Tổng cộng
		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu			
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	443.753.850.000	(7.500.000.000)	-	36.479.743.076	(211.729.934.650)	499.622.521	261.503.280.947
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(19.617.836.792)	(45.618.477)	(19.663.455.269)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(4.569.730.513)	-	-	-	(4.569.730.513)
Giảm khác	-	-	-	-	(8.824.049)	-	(8.824.049)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	443.753.850.000	(7.500.000.000)	(4.569.730.513)	36.479.743.076	(231.356.595.491)	454.004.044	237.261.271.116
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(22.664.544.272)	(175.153.826)	(22.839.698.098)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	4.569.730.513	-	-	-	4.569.730.513
Tăng giảm do góp vốn	-	-	-	-	(1.574.763.840)	1.583.587.893	8.824.053
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	443.753.850.000	(7.500.000.000)	-	36.479.743.076	(255.595.903.603)	1.862.438.110	219.000.127.584
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	(47.813.940.760)	(174.343.867)	(47.988.284.628)
Tăng giảm do góp vốn	-	-	-	-	(184.023.510)	184.023.510	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	443.753.850.000	(7.500.000.000)	-	36.479.743.076	(303.593.867.873)	1.872.117.754	171.011.842.956

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.19.2. Cổ phiếu

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	<u>44.225.385</u>	<u>44.225.385</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

5.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	83.823,86	181.886,09
EUR	318,42	333,84

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	163.666.082.460	120.291.804.203
Doanh thu hoạt động thi công	1.444.085.450	14.691.800.383
Doanh thu kinh doanh bất động sản	440.000.000	38.937.163.636
Doanh thu cung cấp dịch vụ	454.552.730	419.945.996
Doanh thu cung cấp nước	3.930.415.969	3.924.855.425
Doanh thu taxi	37.266.891.243	43.734.782.102
Doanh thu nuôi trồng và chế biến thủy sản	468.406.799.242	516.850.814.061
Doanh thu khác	254.024.627	377.190.911
Cộng	<u>675.862.851.721</u>	<u>739.228.356.717</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	159.718.525.746	118.791.692.812
Giá vốn hoạt động thi công	1.342.626.120	14.425.627.951
Giá vốn hoạt động bất động sản	86.969.258	411.356.780
Giá vốn dịch vụ	288.806.185	600.000.000
Giá vốn cung cấp nước	2.743.684.037	2.498.937.531
Giá vốn hoạt động taxi	30.450.644.193	34.423.189.590
Giá vốn nuôi trồng và chế biến thủy sản	450.454.723.447	457.519.662.759
Giá vốn hoạt động khác	-	377.190.911
Cộng	<u>645.085.978.986</u>	<u>629.047.658.334</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

6.3. Chi phí tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	31.158.048.377	28.569.783.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	293.346.674	299.376.209
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.093.615.190	3.218.902.716
Chi phí tài chính khác	-	59.146.257
Cộng	46.545.010.241	32.147.208.787

6.4. Chi phí bán hàng

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	349.087.155	914.917.582
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	3.186.464.165	6.986.815.732
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	57.218.000	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	17.951.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.179.625.471	20.051.420.748
Chi phí bằng tiền khác	1.986.578.351	4.082.434.659
Cộng	14.758.973.142	32.053.539.745

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	10.566.324.466	11.791.515.123
Chi phí vật liệu quản lý	25.680.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	564.657.285	496.845.454
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.524.523.499	2.028.505.484
Thuế, phí và lệ phí	57.172.913	166.274.198
Chi phí dự phòng	(565.859.188)	509.839.614
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.333.445.449	3.105.773.667
Chi phí bằng tiền khác	3.505.249.731	4.265.281.553
Cộng	18.011.194.155	22.364.035.093

6.6. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	533.673.199.028	485.765.442.266
Chi phí nhân công	60.857.117.073	59.952.618.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.819.418.250	20.647.635.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.936.837.937	44.203.187.314
Chi phí khác bằng tiền	14.029.910.124	17.662.937.128
Cộng	651.316.482.412	628.231.820.749

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	Trích trước chi phí Công trình Long Kim 2	Lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh	Khác	VND Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	(3.520.636.815)	(28.626.103.726)	(162.807.890)	(32.309.548.431)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	(8.573.974)	(1.929.515.663)	-	(1.938.089.637)
Số dư đầu năm nay	(3.529.210.789)	(30.555.619.389)	(162.807.890)	(34.247.638.068)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	(3.136.472)	127.101.277	1.748.093.240	1.872.058.045
Số dư cuối kỳ này	(3.532.347.261)	(30.428.518.112)	1.585.285.350	(32.375.580.023)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thu trong kỳ

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất, thương mại
- Thi công, xây lắp
- Dịch vụ taxi
- Bất động sản
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản
- Hoạt động khác

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Lĩnh vực	Thương mại	Thi công	Bất động sản	Dịch vụ Taxi	Nuôi trồng và chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	163.630.627.460	1.444.085.450	440.000.000	37.249.846.808	468.378.903.842	4.638.993.326	675.782.456.886
Giá vốn	159.718.525.746	1.342.626.120	86.969.258	30.450.644.193	450.454.723.447	3.032.490.222	645.085.978.986
Lãi gộp	3.912.101.714	101.459.330	353.030.742	6.799.202.615	17.924.180.395	1.606.503.104	30.696.477.900
Lãi từ hoạt động bán hàng	236.441.500	(161.913.555)	353.030.742	376.828.513	(3.708.060.726)	829.984.129	(2.073.689.397)
Doanh thu tài chính	32.171.931	-	-	14.911.815	2.003.639.601	-	2.050.723.347
Chi phí tài chính	18.881.313.204	-	-	2.188.291.919	25.475.405.118	-	46.545.010.241
Lợi nhuận tài chính	(18.849.141.273)	-	-	(2.173.380.104)	(23.471.765.517)	-	(44.494.286.894)
Thu nhập khác	69.800.000	-	-	654.908.833	510.520.969	-	1.235.229.802
Chi phí khác	60.286.257	-	-	109.974.746	311.606.394	-	481.867.397
Lợi nhuận khác	9.513.743	-	-	544.934.087	198.914.575	-	753.362.405
Lỗ từ hoạt động liên doanh	-	-	-	-	-	(5.984.217)	(5.984.217)
Tổng lợi nhuận trước thuế	(18.603.186.030)	(161.913.555)	353.030.742	(1.251.617.504)	(26.980.911.668)	823.999.912	(45.820.598.103)
Chi phí thuế TNDN	1.926.744.582	-	-	-	240.941.942	-	2.167.686.524
Lợi nhuận sau thuế	(20.529.930.612)	(161.913.555)	353.030.742	(1.251.617.504)	(27.221.853.610)	823.999.912	(47.988.284.627)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(174.343.867)	-	(174.343.867)
Lợi ích của Công ty mẹ	(20.529.930.612)	(161.913.555)	353.030.742	(1.251.617.504)	(27.047.509.743)	823.999.912	(47.813.940.760)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

	Thương mại	Thi công	Bất động sản	Taxi	Nuôi trồng và chế biến thủy sản	Khác	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	370.998.656.240	3.274.165.538	997.609.135	84.456.335.134	1.061.952.439.062	10.517.959.364	1.532.197.164.472
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	176.075.806.214
Tổng tài sản	370.998.656.240	3.274.165.538	997.609.135	84.456.335.134	1.061.952.439.062	10.517.959.364	1.708.272.970.686
Nợ phải trả bộ phận	367.267.282.810	3.241.235.138	987.575.535	83.606.903.149	1.051.271.696.563	10.412.173.444	1.516.786.866.639
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	20.468.276.874
Tổng nợ phải trả	367.267.282.810	3.241.235.138	987.575.535	83.606.903.149	1.051.271.696.563	10.412.173.444	1.537.255.143.513

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Lĩnh vực	Thương mại	Thi công	Bất động sản	Dịch vụ Taxi	Nuôi trồng và chế biến thủy sản	Khác	VND
Doanh thu thuần	120.291.804.203	14.691.800.383	422.806.493	43.684.770.913	511.371.335.328	4.721.992.332	695.184.509.652
Giá vốn	118.791.692.812	14.425.627.951	411.356.780	34.423.189.590	457.519.662.759	3.476.128.442	629.047.658.334
Lãi gộp	1.500.111.391	266.172.432	11.449.713	9.261.581.323	53.851.672.569	1.245.863.890	66.136.851.318
Lãi từ hoạt động bán hàng	(1.980.809.216)	(550.213.405)	(476.198.347)	2.031.827.632	11.733.323.932	961.345.884	11.719.276.480
Doanh thu tài chính	10.321.846	-	-	3.848.874	2.542.305.054	-	2.556.475.774
Chi phí tài chính	17.635.171.960	-	-	1.575.831.342	12.936.205.485	-	32.147.208.787
Lợi nhuận tài chính	(17.624.850.114)	-	-	(1.571.982.468)	(10.393.900.431)	-	(29.590.733.013)
Thu nhập khác	377.434.865	-	-	1.162.069.488	1.394.660.791	405.001	2.934.570.145
Chi phí khác	561.500.446	-	-	1.256.041.429	3.845.161.406	-	5.662.703.281
Lợi nhuận khác	(184.065.581)	-	-	(93.971.941)	(2.450.500.615)	405.001	(2.728.133.136)
Lỗ từ hoạt động liên doanh	-	-	-	-	-	(7.966.141)	(7.966.141)
Tổng lợi nhuận trước thuế	(20.275.352.337)	(550.213.405)	9.429.079	365.873.223	(1.111.077.114)	953.784.744	(20.607.555.810)
Thuế TNDN	(1.233.360.531)	-	327.969.387	178.524.137	(217.233.534)	-	(944.100.541)
Lợi nhuận sau thuế	(19.041.991.806)	(550.213.405)	(318.540.308)	187.349.086	(893.843.580)	953.784.744	(19.663.455.269)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(45.618.477)	-	(45.618.477)
Lợi ích của Công ty mẹ	(19.041.991.806)	(550.213.405)	(318.540.308)	187.349.086	(848.225.103)	953.784.744	(19.617.836.792)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

	Trong nước		Nước ngoài		Loại trừ		Cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu thuần	617.862.881.104	436.238.361.187	100.913.454.464	293.387.372.335	(42.993.878.682)	(34.441.223.870)	675.782.456.886	695.184.509.652
Giá vốn hàng bán	599.789.379.050	403.490.444.790	89.385.437.941	258.434.961.965	(44.088.838.005)	(32.877.748.421)	645.085.978.986	629.047.658.334
Chi phí bán hàng	12.412.363.210	15.133.755.557	2.673.882.662	17.737.966.006	(327.272.730)	(818.181.818)	14.758.973.142	32.053.539.745
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.870.844.406	17.007.797.342	1.771.603.067	6.101.103.267	(631.253.318)	(744.865.516)	18.011.194.155	22.364.035.093
Kết quả của bộ phận	(11.209.705.563)	606.363.498	7.082.530.795	11.113.341.097	2.053.485.371	(428.115)	(2.073.689.397)	11.719.276.480
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính							(2.812.006.103)	11.719.276.460
Doanh thu tài chính							2.050.723.347	2.556.475.774
Chi phí tài chính							46.545.010.241	32.147.208.787
Lợi nhuận tài chính							<u>(44.494.286.894)</u>	<u>(29.590.733.013)</u>
Thu nhập tài chính							1.235.229.802	2.934.570.145
Chi phí khác							481.867.397	5.662.703.281
Lợi nhuận khác							<u>753.362.405</u>	<u>(2.728.133.136)</u>
Lỗ từ hoạt động liên doanh							(5.984.217)	(7.966.141)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế							<u>(45.820.598.103)</u>	<u>(20.607.555.810)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp							2.167.686.524	(944.100.541)
Lợi nhuận sau thuế							<u>(47.988.284.627)</u>	<u>(19.663.455.269)</u>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát							(174.343.867)	(45.618.477)
Lợi ích của Công ty mẹ							<u>(47.813.940.760)</u>	<u>(19.617.836.792)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long
2. Công ty TNHH MTV Công Nghệ & Thương Mại Hoàng Long
3. Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long
4. Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long
5. Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
6. Công ty TNHH MTV Vận tải và Khai thác Khoáng sản Hoàng Long
7. Công ty Cổ phần Thủy hải sản MeKong
8. Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy
9. Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II
10. Ông Phạm Phúc Toại
11. Ông Nguyễn Quốc Đạo
12. Ông Phạm Hoàng Long
13. Bà Phạm Huyền Trang
14. Bà Phạm Thúy An

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty cùng người kiểm soát
Chủ tịch HĐQT
Tổng giám đốc
Con của Chủ tịch HĐQT
Con của Chủ tịch HĐQT
Con của Chủ tịch HĐQT

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
VND		
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.3		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	94.119.284.691	65.813.426.117
Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
Cộng	102.976.009.691	74.670.151.117
VND		
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.5		
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	542.000.000	542.000.000
Cộng	542.000.000	542.000.000
VND		
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.14		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	(57.216.207.049)	(42.233.066.347)
Ông Phạm Phúc Toại	(551.094.000)	(551.094.000)
Cộng	(57.767.301.049)	(42.784.160.347)
VND		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả khác – Xem thêm mục 5.17		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	(7.240.000.000)	(7.000.000.000)
Ông Phạm Phúc Toại	(307.238.425)	(52.331.030)
Ông Phạm Hoàng Long	(198.932.510)	(198.932.510)
Cộng	(7.746.170.935)	(7.251.263.540)

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	296.016.978.282	114.628.854.393
Cộng	296.016.978.282	114.628.854.393

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Mua nguyên vật liệu		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II	119.328.372.352	21.654.351.235
Cộng	119.328.372.352	21.654.351.235

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Vay		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II	200.000.000	-
Cộng	200.000.000	-

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc của các công ty trong Tập đoàn	2.217.573.434	2.151.419.550
Tổng cộng	2.217.573.434	2.151.419.550

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. CÁC THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 20 tháng 8 năm 2015 Tập đoàn có kế hoạch tái cơ cấu trong các năm tới để tập trung nguồn lực vào hoạt động kinh doanh thương mại là hoạt động đang có lãi và cắt giảm các hoạt động kinh doanh không có hiệu quả.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 8 năm 2015.

Long An, ngày 29 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ KHẢ HÂN

NGUYỄN THỊ TRÚC

NGUYỄN QUỐC ĐẠO